

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27/2010/TT-BTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2010

**THÔNG TƯ****quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí hoạt động chứng khoán áp dụng tại các Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam***Căn cứ Luật chứng khoán;**Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí;**Căn cứ Pháp lệnh giá;**Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;**Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;**Căn cứ Nghị định số 75/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá;**Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hoạt động chứng khoán áp dụng tại các Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam như sau:***Điều 1. Đối tượng áp dụng**

1. Phí hoạt động chứng khoán quy định tại Thông tư này áp dụng đối với các công việc liên quan đến triển khai hoạt động chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán và tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2. Tổ chức được thu phí hoạt động chứng khoán quy định tại Thông tư này là Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**Điều 2. Người nộp phí**

Người nộp phí là các tổ chức, cá nhân thực hiện các công việc liên quan đến các nghiệp vụ của thị trường giao dịch

chứng khoán quy định trong Biểu thu phí ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 3. Biểu thu phí**

1. Mức thu phí trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện theo Biểu thu phí ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Phí đăng ký niêm yết lần đầu thu khi chấp thuận niêm yết chứng khoán và không thu trong trường hợp chuyển đăng ký niêm yết giữa các Sở giao dịch chứng khoán.

3. Phí quản lý thành viên giao dịch, thành viên lưu ký hàng năm được tính cho năm đủ 12 tháng và thời điểm bắt đầu được tính từ ngày đầu tiên của tháng sau tháng được chấp thuận là thành viên giao dịch, thành viên lưu ký.

Ví dụ: Tổ chức A đăng ký là thành viên giao dịch hoặc thành viên lưu ký từ ngày 10/02/2009 thì phí quản lý thành viên giao dịch hoặc phí thành viên lưu ký hàng năm sẽ được tính từ ngày 01/3/2009.

4. Các công ty chứng khoán triển khai hoạt động giao dịch trực tuyến thì nộp phí kết nối lần đầu ngay khi được Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận làm thành viên giao dịch trực tuyến.

5. Phí duy trì định kỳ hàng năm được tính cho năm đủ 12 tháng và thời điểm bắt đầu được tính từ ngày đầu tiên của tháng sau tháng được kết nối.

Ví dụ: Tổ chức B đăng ký giao dịch trực tuyến từ ngày 10/02/2009 thì phí kết nối sẽ được tính từ ngày 01/3/2009.

6. Phí giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ (giao dịch repo) chỉ thu một lần khi xác định giao dịch lần đầu.

7. Phí đăng ký niêm yết quy định tại điểm 2 Biểu thu phí ban hành kèm theo Thông tư này không áp dụng đối với trái phiếu Chính phủ.

8. Phí đăng ký chứng khoán quy định tại điểm 9 Biểu thu phí ban hành kèm theo Thông tư này không áp dụng đối với trái phiếu Chính phủ.

9. Giá trị giao dịch trong các trường hợp chuyển quyền sở hữu chứng khoán quy định tại điểm 14 của Biểu thu phí ban hành kèm theo Thông tư này được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu đang niêm yết/dăng ký giao dịch: theo giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng nhưng không thấp hơn mức giá tham chiếu của cổ phiếu vào ngày Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện chuyển quyền sở hữu hoặc theo giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận nhân với số lượng cổ phiếu thực hiện chuyển nhượng. Trường hợp biểu tặng cho, thừa kế hoặc hợp đồng không có giá chuyển nhượng thì lấy theo giá tham chiếu của cổ phiếu vào ngày Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện chuyển quyền sở

hữu nhân với số lượng cổ phiếu thực hiện chuyển nhượng.

- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết: bằng mệnh giá của cổ phiếu nhân với số lượng cổ phiếu thực hiện chuyển nhượng.

- Phí chuyển nhượng chứng khoán quy định tại điểm 14.1 Biểu mức thu áp dụng đối với cả bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng.

- Phí chuyển quyền sở hữu chứng khoán quy định tại điểm 14.2 Biểu mức thu chỉ áp dụng đối với bên nhận chuyển quyền sở hữu.

**Điều 4.** Tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng

1. Phí trong lĩnh vực chứng khoán quy định tại Thông tư này là khoản thu không thuộc ngân sách nhà nước. Đơn vị thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

2. Số thu phí từ giao dịch chuyển nhượng chứng khoán quy định tại điểm 14.1 Biểu thu phí ban hành kèm theo Thông tư này được phân chia cho Sở giao dịch chứng khoán theo tỷ lệ 50% số thu phí.

3. Các quy định khác về thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí được thực hiện theo hướng

dẫn tại Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 và Thông tư số 157/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 8 năm 2009 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 60/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế.

4. Phí hoạt động chứng khoán thu bằng Đồng Việt Nam.

5. Trường hợp thu phí đấu thầu trái phiếu Chính phủ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát hành cuối cùng của mỗi đợt phát hành; Phí giao dịch trái phiếu Chính phủ bằng ngoại tệ được tính bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày giao dịch.

6. Trường hợp phí đại lý thanh toán gốc, lãi trái phiếu Chính phủ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân trong tháng có phát sinh thanh toán gốc, lãi.

**Điều 5.** Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ: Nội dung quy định về phí hoạt động chứng khoán tại Thông tư số 110/2002/TT-BTC ngày

12 tháng 12 năm 2002; Thông tư số 11/2006/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 110/2002/TT-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm; Quyết định số 1351/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc điều chỉnh giảm mức thu phí giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư và

hướng dẫn của Bộ Tài chính về phí phát hành và giao dịch trái phiếu Chính phủ trái với quy định tại Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

**BIỂU THU PHÍ HOẠT ĐỘNG CHỨNG KHOÁN ÁP DỤNG TẠI SỞ  
GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VÀ TRUNG TÂM LƯU KÝ  
CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 27/2010/TT-BTC ngày 26/02/2010)*

STT	Tên phí	Mức thu	Người nộp
I	<b>PHÍ ÁP DỤNG TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN</b>		
1	Phí quản lý thành viên giao dịch		
1.1	Thành viên là công ty chứng khoán	20 triệu đồng/năm	Thành viên giao dịch
1.2	Thành viên là ngân hàng thương mại	20 triệu đồng/năm	Thành viên giao dịch tham gia thị trường trái phiếu
2	Phí đăng ký niêm yết		
2.1	Phí đăng ký niêm yết lần đầu	10 triệu đồng/công ty niêm yết	Tổ chức đăng ký niêm yết
2.2	Phí đăng ký niêm yết bổ sung	5 triệu đồng/1 lần niêm yết bổ sung	Tổ chức niêm yết
3	Phí quản lý niêm yết hàng năm		
3.1	Đối với cổ phiếu (giá trị niêm yết theo mệnh giá)		Tổ chức niêm yết
a	Giá trị niêm yết dưới 100 tỷ đồng	15 triệu đồng	
b	Giá trị niêm yết từ 100 tỷ đến dưới 500 tỷ đồng	20 triệu đồng	
c	Giá trị niêm yết từ 500 tỷ đồng trở lên	20 triệu đồng + 0,001%/ giá trị niêm yết nhưng không vượt quá 50 triệu đồng	



STT	Tên phí	Mức thu	Người nộp
3.2	Đối với trái phiếu, chứng chỉ quỹ (giá trị niêm yết theo mệnh giá)		Tổ chức niêm yết; Công ty quản lý quỹ có chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết
a	Giá trị niêm yết dưới 80 tỷ đồng	15 triệu đồng	
b	Giá trị niêm yết từ 80 tỷ đến dưới 200 tỷ đồng	20 triệu đồng	
c	Giá trị niêm yết từ 200 tỷ đồng trở lên	20 triệu đồng + 0,001%/ giá trị niêm yết nhưng không vượt quá 50 triệu đồng	
4	Phí giao dịch		Thành viên giao dịch
4.1	Chứng khoán niêm yết		
a	Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư	0,03%/giá trị giao dịch	
b	Trái phiếu	0,0075%/giá trị giao dịch	
4.2	Chứng khoán chưa niêm yết (UPCOM)		
a	Cổ phiếu	0,02%/giá trị giao dịch	
b	Trái phiếu	0,0075%/giá trị giao dịch	
4.3	Trái phiếu Chính phủ		
a	Phí giao dịch mua bán lại (giao dịch repo) trái phiếu kỳ hạn đến 2 tuần	0,005%/giá trị giao dịch	
b	Phí giao dịch mua bán lại (giao dịch repo) trái phiếu kỳ hạn trên 2 tuần	0,0075%/giá trị giao dịch	

STT	Tên phí	Mức thu	Người nộp
c	Phí giao dịch thông thường (giao dịch outright)	0,0075%/giá trị giao dịch	
5	Phí kết nối trực tuyến		Thành viên giao dịch
5.1	Phí kết nối lần đầu	150 triệu đồng/thành viên	
5.2	Phí duy trì định kỳ hàng năm	50 triệu đồng/thành viên/năm	
6	Phí sử dụng thiết bị đầu cuối	20 triệu đồng/thiết bị/năm	Thành viên giao dịch
7	Phí đấu thầu trái phiếu Chính phủ	0,15% tổng giá trị trái phiếu trúng thầu	Tổ chức phát hành
II	PHÍ ÁP DỤNG TẠI TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN		
8	Phí quản lý thành viên lưu ký	40 triệu đồng/năm	Thành viên lưu ký
9	Phí đăng ký chứng khoán		Tổ chức phát hành
9.1	Phí đăng ký chứng khoán lần đầu		
a	Giá trị đăng ký chứng khoán dưới 80 tỷ đồng	10 triệu đồng	
b	Giá trị đăng ký chứng khoán từ 80 tỷ đến dưới 200 tỷ đồng	15 triệu đồng	
c	Giá trị đăng ký chứng khoán từ 200 tỷ đồng trở lên	20 triệu đồng	
9.2	Phí đăng ký chứng khoán bổ sung	5 triệu đồng/1 lần đăng ký bổ sung	
10	Phí lưu ký chứng khoán		Thành viên của Trung tâm lưu ký
10.1	Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ	0,5 đồng/cổ phiếu, chứng chỉ quỹ/tháng	

STT	Tên phí	Mức thu	Người nộp
10.2	Trái phiếu	0,2 đồng/trái phiếu/tháng	
11	Phí chuyển khoản chứng khoán		Thành viên của Trung tâm lưu ký
11.1	Phí chuyển khoản phát sinh do nhà đầu tư tất toán tài khoản	0,5 đồng/chứng khoán/1 lần chuyển khoản/1 mã chứng khoán (tối đa không quá 500.000 đồng/1 lần/1 mã chứng khoán)	
11.2	Phí chuyển khoản phát sinh để thực hiện thanh toán	0,5 đồng/chứng khoán/1 lần chuyển khoản/1 mã (tối đa không quá 500.000 đồng/1 lần/1 mã chứng khoán)	
12	Phí thực hiện quyền		Tổ chức phát hành
12.1	Dưới 500 cổ đông	5 triệu đồng/1 lần thực hiện quyền	
12.2	Từ 500 cổ đông đến dưới 1.000 cổ đông	10 triệu đồng/1 lần thực hiện quyền	
12.3	Từ 1.000 cổ đông đến 5.000 cổ đông	15 triệu đồng/1 lần thực hiện quyền	
12.4	Trên 5.000 cổ đông	20 triệu đồng/1 lần thực hiện quyền	
13	Phí sửa lỗi sau giao dịch	500.000 đồng/1 giao dịch sửa lỗi	Thành viên của Trung tâm lưu ký
14	Phí chuyển quyền sở hữu chứng khoán không qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán		Thành viên của Trung tâm lưu ký
14.1	Chuyển nhượng chứng khoán		
a	Cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật	0,1%/giá trị giao dịch	



STT	Tên phí	Mức thu	Người nộp
b	Các trường hợp chuyển nhượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận	0,1%/giá trị giao dịch	
14.2	Biếu, tặng, cho, thừa kế chứng khoán, trừ các trường hợp biếu, tặng, cho, thừa kế giữa vợ với chồng, giữa cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi, giữa cha chồng, mẹ chồng với con dâu, giữa cha vợ, mẹ vợ với con rể, giữa ông nội, bà nội với cháu nội, giữa ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại, giữa anh, chị, em ruột với nhau.	0,1%/giá trị giao dịch	Trường hợp thừa kế chứng khoán chưa lưu ký, người nhận thừa kế nộp phí cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán thông qua Tổ chức phát hành
15	Phí đại lý thanh toán lãi và vốn gốc trái phiếu Chính phủ	0,1%/số tiền gốc, lãi thực thanh toán	Tổ chức phát hành